

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009

đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	06 - 20
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27/09/2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005826 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/12/2006 với các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc;
- Xếp dỡ giao nhận hàng hóa. Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức. Đại lý tàu biển. Môi giới hàng hải.
- Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan. Dịch vụ phát chuyển nhanh. Kinh doanh kho ngoại quan, CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center).
- Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảng và chuyển tải hàng hóa;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu. Mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn. Sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ);
- Mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng. Mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa. Mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa. Đại lý bảo hiểm;
- Cho thuê xe ô tô;
- Mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Đại lý bán vé tàu thủy.

Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Dịch vụ Kho bãi Cảng	Km9 Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận	Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế	Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Du lịch Dịch vụ Thương mại Miền Nam (*)	Số 117A Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP.HCM
Xí nghiệp Hóa Dầu Solube	Số 18 Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh Vật tư Nhiên liệu Ngũ Phúc	Số 836 Hồ Nai 3, Đồng Nai
Chi nhánh Công ty CP Kho vận miền Nam tại Hà Nội	Số 30 Đoàn Thị Điểm, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Kho vận miền Nam tại Cần Thơ	Số 08 Đường 3/2, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ
Trạm kho Bến Súc	Số 1/7 Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

(*) Căn cứ vào Quyết định số....ngày.....Trung tâm Du lịch và Thương mại Miền Nam đã giải thể tại ngày 31/05/2009

Trụ sở chính của Công ty tại Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Hoàng Quyển	Chủ tịch
Bà Đoàn Thị Đông	Phó Chủ tịch
Ông Trần Huy Hiền	Thành viên
Ông Võ Thành Lâm	Thành viên
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Hoàng Quyển	Tổng Giám đốc
Ông Trần Huy Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Phan Đình Bội	Trưởng ban
Ông Trần Văn Đức	Thành viên
Ông Võ Sáng Xuân Vinh	Thành viên

KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2009

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc**

Hoàng Quyến

Số : /2009/BC.KTTC-AASC.KT02

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo Tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam được lập ngày 20/07/2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà nội, ngày 31 tháng 07 năm 2009

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán
Phó Tổng Giám đốc**

Kiểm toán viên

Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biển
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2009	01/01/2009
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		92.673.257.593	93.024.682.115
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.466.754.143	8.836.062.738
111	1 Tiền		22.466.754.143	8.836.062.738
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	4.119.860.700	4.030.240.700
121	1 Đầu tư ngắn hạn		12.323.998.877	12.234.378.877
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(8.204.138.177)	(8.204.138.177)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		42.317.618.219	44.180.767.700
131	1 Phải thu của khách hàng		37.732.993.226	36.370.440.914
132	2 Trả trước cho người bán		186.557.545	4.588.458.218
135	3 Các khoản phải thu khác	5	4.699.863.191	3.523.664.311
139	4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	5	(301.795.743)	(301.795.743)
140	IV Hàng tồn kho	6	15.872.907.516	30.951.474.916
141	1 Hàng tồn kho		17.352.610.850	33.670.366.580
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.479.703.334)	(2.718.891.664)
150	V Tài sản ngắn hạn khác		7.896.117.015	5.026.136.061
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		3.549.976.394	51.476.268
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		29.958.976	1.182.910.107
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	371.027.820	715.601.369
158	4 Tài sản ngắn hạn khác		3.945.153.825	3.076.148.317
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		25.620.515.738	28.584.785.315
220	II Tài sản cố định		21.785.620.705	25.607.058.976
221	1 Tài sản cố định hữu hình	8	19.995.555.529	22.784.689.209
222	- Nguyên giá		76.843.346.942	77.450.773.931
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(56.847.791.413)	(54.666.084.722)
227	2 Tài sản cố định vô hình	9	1.790.065.176	1.571.265.507
228	- Nguyên giá		2.209.624.837	1.907.978.837
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(419.559.661)	(336.713.330)
230	3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	-	1.251.104.260
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.680.000.000	1.680.000.000
252	1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11	1.680.000.000	1.680.000.000
260	V Tài sản dài hạn khác		2.154.895.033	1.297.726.339
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	12	1.629.941.621	774.772.927
268	2 Tài sản dài hạn khác		524.953.412	522.953.412
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		118.293.773.331	121.609.467.430

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2009	01/01/2009
300	A NỢ PHẢI TRẢ		28.267.313.927	41.276.853.588
310	I Nợ ngắn hạn		27.858.240.827	40.801.202.588
311	1 Vay và nợ ngắn hạn		-	13.214.047.950
312	2 Phải trả người bán		13.244.681.863	10.273.784.346
313	3 Người mua trả tiền trước		1.945.817.382	1.410.508.853
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.901.362.734	1.437.276.490
315	5 Phải trả người lao động		5.571.499.737	8.949.463.694
316	6 Chi phí phải trả	14	751.545.449	353.088.351
319	7 Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	2.443.333.662	5.163.032.904
330	II Nợ dài hạn		409.073.100	475.651.000
333	1 Phải trả dài hạn khác		297.651.000	325.651.000
336	2 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		111.422.100	150.000.000
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		90.026.459.404	80.332.613.842
410	I Vốn chủ sở hữu	16	89.162.557.053	77.532.498.290
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		72.000.000.000	51.000.000.000
417	2 Quỹ đầu tư phát triển		944.134.346	21.944.134.346
418	3 Quỹ dự phòng tài chính		1.940.049.462	1.940.049.462
419	4 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		374.488.646	913.287.646
420	5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.903.884.599	1.735.026.836
430	II Nguồn kinh phí và quỹ khác		863.902.351	2.800.115.552
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		863.902.351	2.800.115.552
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		118.293.773.331	121.609.467.430

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009**Đơn vị tính: VND*

	Thuyết minh	30/06/2009	01/01/2009
1	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	428.949.895.172	473.310.017.568
2	Nợ khó đòi đã xử lý	67.460.900	141.650.700
3	Ngoại tệ các loại		
	- USD	235.118,85	74.684,23
	- EUR	1.200,88	7.889,61

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2009***Người lập****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Võ Thị Mùi****Trương Văn Thuần****Hoàng Quyên**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009**Đơn vị tính: VND*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2009	6 tháng đầu năm 2008
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	213.166.596.530	322.437.520.688
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		213.166.596.530	322.437.520.688
11	4 Giá vốn hàng bán	18	164.734.314.756	270.877.681.366
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		<u>48.432.281.774</u>	<u>51.559.839.322</u>
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	19	601.432.988	1.819.712.675
22	7 Chi phí tài chính	20	748.408.803	3.911.971.833
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		217.951.127	836.743.547
24	8 Chi phí bán hàng		29.854.477.425	30.073.267.070
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.822.356.296	5.044.658.239
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		<u>13.608.472.238</u>	<u>14.349.654.855</u>
31	11 Thu nhập khác		1.056.235.695	170.086.794
32	12 Chi phí khác		757.441.918	151
40	13 Lợi nhuận khác		298.793.777	170.086.643
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		<u>13.907.266.015</u>	<u>14.519.741.498</u>
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	1.738.408.252	-
52	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12.168.857.763</u>	<u>14.519.741.498</u>
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.386	2.847

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Võ Thị Mùi

Trương Văn Thuận

Hoàng Quyến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2009	6 tháng đầu năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		241.938.929.264	400.297.614.406
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(185.725.854.235)	(359.542.694.515)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(24.425.258.952)	(26.450.159.452)
04	Tiền chi trả lãi vay		(217.951.127)	(836.743.547)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(500.000.000)	-
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		996.039.164	1.962.353.809
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.083.780.825)	(7.893.761.900)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		29.982.123.289	7.536.608.801
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(924.777.916)	(2.332.100.178)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		755.490.476	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.766.391.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.673.358.096
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		91.903.506	168.858.013
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(77.383.934)	(6.256.275.069)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		10.190.746.267	37.192.389.364
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(23.404.794.217)	(35.536.190.263)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.060.000.000)	(3.584.660.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16.274.047.950)	(1.928.460.899)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		13.630.691.405	(648.127.167)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.836.062.738	14.306.041.261
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		22.466.754.143	13.657.914.094

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Võ Thị Mùi

Trương Văn Thuận

Hoàng Quyển

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27/09/2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005826 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/12/2006 với các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc;
- Xếp dỡ giao nhận hàng hóa. Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức. Đại lý tàu biển. Môi giới hàng hải.
- Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan. Dịch vụ phát chuyển nhanh. Kinh doanh kho ngoại quan, CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center).
- Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảng và chuyển tải hàng hóa;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu. Mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn. Sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ);
- Mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng. Mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa. Mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa. Đại lý bảo hiểm;
- Cho thuê xe ô tô;
- Mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Đại lý bán vé tàu thủy.

Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Dịch vụ Kho bãi Cảng	Km9 Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận	Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế	Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Du lịch Dịch vụ Thương mại Miền Nam (*)	Số 117A Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP.HCM
Xí nghiệp Hóa Dầu Solube	Số 18 Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
CN Công ty CP Kho vận miền Nam tại Hà Nội	Số 30 Đoàn Thị Điểm, Thành phố Hà Nội
CN Công ty CP Kho vận miền Nam tại Cần Thơ	Số 08 Đường 3/2, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ
Trạm kho Bến Súc	Số 1/7 Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

(*) Căn cứ vào Quyết định số....ngày.....Trung tâm Du lịch và Thương mại Miền Nam đã giải thể tại ngày 31/05/2009

Trụ sở chính của Công ty tại Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và được lập vào thời điểm cuối năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước để tính giá xuất của hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0 %

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hóa
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	2.582.374.300	2.665.414.100
Tiền gửi ngân hàng	19.884.379.843	6.170.648.638
Cộng	22.466.754.143	8.836.062.738

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	12.323.998.877	12.234.378.877
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(8.204.138.177)	(8.204.138.177)
Cộng	4.119.860.700	4.030.240.700

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Văn phòng Công ty	9.025.030	50.544
Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận	263.744.437	725.392.514
Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế	4.093.220.430	2.500.526.493
Trung tâm Du lịch Dịch vụ Thương mại Miền Nam	-	160.757.704
Xí nghiệp Hóa Dầu Solube	95.302.139	91.727.703
Chi nhánh Công ty CP Kho vận miền Nam tại Hà Nội	4.896.930	44.714.605
Chi nhánh Công ty CP Kho vận miền Nam tại Cần Thơ	-	494.748
Xí nghiệp Dịch vụ Kho bãi Cảng	233.094.100	-
Xí nghiệp Ngũ Phúc	580.125	-
Cộng	4.699.863.191	3.523.664.311

Ghi chú:

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại thời điểm 30/06/2009 như sau:

	30/06/2009
	VND
Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế	219.630.356
CN Công ty CP Kho vận miền Nam tại Hà Nội	82.165.387
	301.795.743

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.356.218.182	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.027.069.536	23.589.983.632
Công cụ, dụng cụ	887.538.258	1.474.050.062
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.306.199	7.574.156
Thành phẩm	5.978.981.159	7.058.355.838
Hàng hoá	2.095.497.516	1.540.402.892
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(1.479.703.334)	(2.718.891.664)
Cộng	15.872.907.516	30.951.474.916
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:	1.239.188.330	-

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	371.027.820	715.601.369
Cộng	371.027.820	715.601.369

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
I Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	52.585.885.686	6.919.316.508	16.223.290.137	1.722.281.600	77.450.773.931
Số tăng trong kỳ	271.862.727	-	269.701.905	81.567.284	623.131.916
- Mua sắm mới	-	-	269.701.905	81.567.284	351.269.189
- Xây dựng mới	271.862.727	-	-	-	271.862.727
Số giảm trong kỳ	-	-	1.230.558.905	-	1.230.558.905
- Thanh lý	-	-	1.230.558.905	-	1.230.558.905
Số cuối kỳ	52.857.748.413	6.919.316.508	15.262.433.137	1.803.848.884	76.843.346.942
II Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	35.886.339.096	5.160.985.149	12.453.256.186	1.165.504.291	54.666.084.722
Khấu hao trong kỳ	1.568.590.802	238.066.243	811.464.050	84.702.953	2.702.824.048
Giảm trong kỳ	-	-	521.117.357	-	521.117.357
- Thanh lý	-	-	521.117.357	-	521.117.357
Số cuối kỳ	37.454.929.898	5.399.051.392	12.743.602.879	1.250.207.244	56.847.791.413
III Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	16.699.546.590	1.758.331.359	3.770.033.951	556.777.309	22.784.689.209
Tại ngày cuối kỳ	15.402.818.515	1.520.265.116	2.518.830.258	553.641.640	19.995.555.529

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố vay vốn:	3.383.050.000 đồng
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:	23.477.269.347 đồng
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:	14.238.000 đồng

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất có kỳ hạn	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	1.287.550.000	-	472.650.750	147.778.087	1.907.978.837
Số tăng trong kỳ	-	-	301.646.000	-	301.646.000
- Mua sắm mới	-	-	301.646.000	-	301.646.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ:	1.287.550.000	-	774.296.750	147.778.087	2.209.624.837
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	68.669.344	-	129.447.456	138.596.530	336.713.330
Khấu hao trong kỳ	12.875.502	-	66.117.953	3.852.876	82.846.331
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	81.544.846	-	195.565.409	142.449.406	419.559.661
III Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	1.218.880.656	-	343.203.294	9.181.557	1.571.265.507
Tại ngày cuối kỳ	1.206.005.154	-	578.731.341	5.328.681	1.790.065.176

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí tư vấn khảo sát thiết kế sơ bộ hạ tầng logistic	-	1.251.104.260
Cộng	-	1.251.104.260

Ghi chú:

Theo hợp đồng dịch vụ giữa Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam và Logistics Bureau (Asia) Limited (LBA), thì LBA sẽ cung cấp dịch vụ tư vấn dự án thiết kế sơ bộ hạ tầng logistic trên khu đất tại Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng giá trị phí dịch vụ là 72.000USD. Tuy nhiên, căn cứ vào Công văn số 1570/SQHKT-QHKV2 ngày 12 tháng 06 năm 2009 về việc cung cấp thông tin quy hoạch - kiến trúc tại khu đất địa chỉ Km9 xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức của Sở Quy hoạch kiến trúc thì Dự án hạ tầng logistic tại địa điểm này là không phù hợp với quy hoạch của Thành phố

11 . ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Góp vốn liên doanh	1.680.000.000	1.680.000.000
Cộng	1.680.000.000	1.680.000.000

Chi tiết	Địa chỉ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam	Số 17 Lê Văn Linh, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	105.000	35%

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	47.496.047	428.845.181
Lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hóa	153.963.872	308.927.746
Chi phí tư vấn khảo sát thiết kế sơ bộ hạ tầng logistic	1.251.104.260	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	177.377.442	37.000.000
Cộng	1.629.941.621	774.772.927

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.045.561.614	884.156.839
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.238.408.252	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.473.609.765	553.119.651
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	39.259.750	-
Các khoản khác phải trả Nhà nước	104.523.353	-
Cộng	3.901.362.734	1.437.276.490

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí bốc xếp	-	122.590.909
Trích trước chi phí kho bãi	444.549.450	138.799.442
Trích trước chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính	65.000.000	80.000.000
Phí bảo trì cầu	215.805.524	-
Chi phí phải trả khác	26.190.475	11.698.000
Cộng	751.545.449	353.088.351

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	185.046.304	193.446.395
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	80.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.178.287.358	4.969.586.509
Cộng	2.443.333.662	5.163.032.904

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ khác thuộc CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa PP
Dư đầu năm trước	51.000.000.000	360.505.628	12.451.879.683	1.201.685.425	906.844.818
Tăng vốn trong năm	-	552.782.018	9.492.254.663	738.364.037	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	23.010.837.426
Phân bổ lợi nhuận	-	-	-	-	22.182.655.408
Dư cuối năm trước	51.000.000.000	913.287.646	21.944.134.346	1.940.049.462	1.735.026.836
Tăng vốn trong năm	21.000.000.000	-	-	-	0
Lãi trong kỳ kế toán	-	-	-	-	12.168.857.763
Giảm khác	-	538.799.000	21.000.000.000	-	-
Dư cuối kỳ kế toán	72.000.000.000	374.488.646	944.134.346	1.940.049.462	13.903.884.599

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	34.361.570.000	24.990.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	37.638.430.000	26.010.000.000
Cộng	72.000.000.000	51.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ kế toán	51.000.000.000	51.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	21.000.000.000	-
Vốn góp cuối kỳ kế toán	72.000.000.000	51.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.200.000	5.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.200.000	5.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.200.000	5.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.200.000	5.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.200.000	5.100.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND.

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	75.794.669.029	128.483.240.465
Doanh thu cung cấp dịch vụ	137.371.927.501	193.954.280.223
Cộng	213.166.596.530	322.437.520.688

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	71.648.341.027	117.297.782.759
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	94.325.162.059	153.579.898.607
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.239.188.330)	-
Cộng	164.734.314.756	270.877.681.366

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	83.570.705	98.653.763
Cổ tức, lợi nhuận được chia	97.952.801	70.204.250
Lãi bán ngoại tệ	45.915	115.560.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	419.863.567	1.289.258.758
Lãi bán cổ phiếu	-	246.035.904
Cộng	601.432.988	1.819.712.675

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	217.951.127	836.743.547
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	1.291.465.354
Lỗ do bán ngoại tệ	80.000	44.721.978
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	530.377.676	707.107.470
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	1.031.933.484
Cộng	748.408.803	3.911.971.833

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.738.408.252	-
Cộng	1.738.408.252	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế thu được trong năm Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần và Nghị định số 164/2003/NĐ - CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành luật Thuế TNDN, Công ty được miễn thuế 02 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2007), giảm 50% thuế TNDN trong 02 năm tiếp theo. Do đó năm 2009, Công ty đang được giảm 50% số thuế phải nộp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định cụ thể như sau:

	Kỳ này
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.907.266.015
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập chịu thuế	13.907.266.015
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành	1.738.408.252
Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.168.857.763

22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2008 của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2009

Người lập**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Võ Thị Mùi****Trương Văn Thuận****Hoàng Quyến**